SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG RẠCH GIÁ;
Thời gian ký: 2026-07-08T14:39:41+07:00

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**PHƯỜNG RẠCH GIÁ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 186 /KH-UBND | *Rạch Giá, ngày 08 tháng 7 năm 2026* |

# KẾ HOẠCH

**Tiếp tục triển khai thực hiện Tiểu dự án 1: "Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số" trên địa bàn phường Rạch Giá năm 2026, thuộc Dự án 5 – Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.**

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 24/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở;

Căn cứ Công văn số 5475/BGDĐT-GDDT ngày 17/9/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Tiểu dự án 1- Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg và sửa đổi bổ sung Công văn số 1856/BGDĐT-GDDT;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15, ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Công văn số 6268/BTC-PTHT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc trả lời các kiến nghị về sử dụng ngân sách các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Phê duyệt danh sách thôn, xã, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phân bổ lại kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn hoàn trả ngân sách giai đoạn 2021-2025 kéo dài sang năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Công văn số 1924/STC-KHĐT ngày 21/3/2026 của Sở Tài chính tỉnh An Giang về việc chuyển nguồn và kéo dài vốn sang năm 2026 theo Nghị quyết của Quốc hội đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia;

UBND phường xây dựng kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Tiểu dự án 1: "Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số" trên địa bàn phường Rạch Giá năm 2026, thuộc Dự án 5 – Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, như sau:

## I. MỤC TIÊU

Đầu tư, bổ sung nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường có học sinh ở bán trú.

## II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

### 1. Đối tượng

Các trường tiểu học, trung học cơ sở (công lập) trực thuộc phường có học sinh ở bán trú theo quy định.

### 2. Phạm vi

Trường tiểu học Trần Văn Ơn, tiểu học Âu Cơ, tiểu học Lê Lợi và trường THCS Hùng Vương.

### 3. Nội dung thực hiện

Áp dụng theo Công văn số 5475/BGDĐT-GDDT ngày 17/9/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Tiểu dự án 1- Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg và sửa đổi bổ sung Công văn số

1856/BGDĐT-GDDT, cụ thể:

Hỗ trợ cung cấp trang thiết bị dạy học phục vụ học tập; hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số; hỗ trợ mua sắm trang thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên cho trường tiểu học Trần Văn Ơn, tiểu học Âu Cơ, tiểu học Lê Lợi và trường THCS Hùng Vương có học sinh ở bán trú.

## III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện theo Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phân bổ lại kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn hoàn trả ngân sách giai đoạn 2021-2025 kéo dài sang năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh An Giang, tổng cộng 3.141.600.000 đồng, cụ thể:

- Ngân sách Trung ương: 2.750.600.000 đồng.
- Ngân sách địa phương: 391.000.000 đồng.

Việc quản lý, tổ chức thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

*(Có bảng dự toán kinh phí đính kèm)*

## IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Thực hiện hoàn thành các hồ sơ thủ tục tổ chức đấu thầu theo quy định trước 30/8/2026.

- Thực hiện hoàn thành mua sắm trang thiết bị trước 30/9/2026.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1.** Phòng Văn hóa – Xã hội phường là chủ đầu tư, chủ trì, phối hợp phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị, các trường tiểu học Trần Văn Ơn, tiểu học Âu Cơ, tiểu học Lê Lợi và trường THCS Hùng Vương tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo đúng các thủ tục theo Luật ngân sách và đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ, thời gian theo Kế hoạch. Đồng thời tham mưu xây dựng Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện theo quy định.

**2.** Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị phường chịu trách nhiệm phối hợp

Phòng Văn hóa – Xã hội, hướng dẫn thực hiện hồ sơ, thủ tục về đấu thầu, quản lý, sử dụng thanh, quyết toán theo quy định; thẩm định bố trí vốn theo Quyết định đã được phê duyệt.

**3.** Trường tiểu học Trần Văn Ơn, tiểu học Âu Cơ, tiểu học Lê Lợi và trường THCS Hùng Vương chịu trách nhiệm về việc sử dụng cơ sở vật chất phục vụ đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả tránh thất thoát.

Trên đây là Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Tiểu dự án 1: "Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số" trên địa bàn thành phố Rạch Giá năm 2026, thuộc Dự án 5 – Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021-2025 của Ủy ban nhân dân phường Rạch Giá./.

***Nơi nhận:***
- CT và các PCT UBND TP;
- Ban Chỉ đạo phường;
- Các phòng, ban ngành liên quan;
- Các trường TH Trần Văn Ơn, Âu Cơ, Lê Lợi;
- Trường THCS Hùng Vương
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

U.B.N.D PHƯỜNG RẠCH GIÁ T. AN GIANG

**Nguyễn Thị Hồng Linh**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG RẠCH GIÁ
PHÒNG VĂN HÓA-XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN
## Mua sắm trang thiết bị bàn ghế học sinh các trường trên địa bàn phường năm 2026

| Stt | Tên tài sản | Đvt | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **TRƯỜNG THCS HÙNG VƯƠNG** | | | | |
| 1.1 | Bàn ghế học sinh | Bộ | 75 | 3.300.000 | 247.500.000 |
| 1.2 | Máy vi tính học sinh | Bộ | 15 | 11.900.000 | 178.500.000 |
| 1.3 | Máy vi tính xách tay | Cái | 5 | 15.000.000 | 75.000.000 |
| 1.4 | Tivi 75 inch | Cái | 8 | 24.900.000 | 199.200.000 |
| 1.5 | Bảng trượt | Cái | 6 | 7.200.000 | 43.200.000 |
| **Cộng: 1** | | | | | **743.400.000** |
| **2** | **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN VĂN ƠN** | | | | |
| 2.1 | Bàn ghế học sinh | Bộ | 100 | 3.000.000 | 300.000.000 |
| 2.2 | Máy vi tính học sinh | Bộ | 50 | 11.900.000 | 595.000.000 |
| 2.3 | Máy vi tính xách tay | Cái | 5 | 20.000.000 | 60.000.000 |
| | Màn hình hiển thị tương tác 65 inch | Cái | 2 | 77.000.000 | 154.000.000 |
| 2.4 | Tivi 75 inch | Cái | 10 | 24.900.000 | 124.500.000 |
| **Cộng: 2** | | | | | **1.233.500.000** |
| **3** | **TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ LỢI** | | | | |
| 3.1 | Bàn ghế học sinh | Bộ | 60 | 3.200.000 | 192.000.000 |
| 3.2 | Tivi 75 inch | Cái | 2 | 24.900.000 | 49.800.000 |
| 3.3 | Bảng trượt | Cái | 2 | 7.900.000 | 15.800.000 |
| **Cộng: 3** | | | | | **257.600.000** |
| **4** | **TRƯỜNG TIỂU HỌC ÂU CƠ** | | | | |
| 4.1 | Máy vi tính học sinh | Bộ | 40 | 11.900.000 | 476.000.000 |
| 4.2 | Máy vi tính chủ | Bộ | 1 | 18.000.000 | 18.000.000 |
| 4.3 | Tivi 75 inch | Cái | 2 | 24.900.000 | 49.800.000 |
| 4.4 | Bàn ghế học sinh | Bộ | 80 | 3.300.000 | 264.000.000 |
| 4.5 | Hệ thống mạng | Gói | 1 | 15.000.000 | 15.000.000 |
| **Cộng: 4** | | | | | **822.800.000** |
| **I** | **Chi phí thiết bị** | | | | **3.057.300.000** |
| **II** | **Chi phí tư vấn** | | | | **63.239.029** |
| 1. | Chi phí thẩm định giá | | | | 9.203.400 |
| 2. | Chi phí lập dự toán | | | | 10.749.571 |
| 3. | Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT | | | | 11.258.826 |
| 4. | Chi phí thẩm định HSMT, đánh giá KQLCNT | | | | 6.135.000 |
| 5 | Chi phí giám sát thiết bị | | | | 25.892.232 |
| **III** | **Chi phí khác** | | | | **10.560.371** |
| 1. | Chi phí thẩm tra quyết toán | | | | 10.560.371 |
| | **Tổng giá trị** | | | | **3.131.099.400** |